

Chương I. Quy định về tổ chức đào tạo

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định áp dụng cho chương trình mũi nhọn ngành Khoa học máy tính - hệ đại học chính quy - khoa Công nghệ Thông tin & Toán ứng dụng, quy định về tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Chương trình này gắn với ngành Khoa học máy tính, hệ Đại học chính quy, khoa CNTT & TUD, trường ĐH Tôn Đức Thắng (sau đây viết tắt là Trường)

2. Chương trình được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và kiến thức chuyên ngành. Khối kiến thức chuyên ngành được tiếp cận theo hướng tiếp cận với môi trường làm việc thực tế, giúp sinh viên học có thể làm việc tốt ngay khi tốt nghiệp.

Điều 3. Học phần tín chỉ

1. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 5 tín chỉ, được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã riêng do Trường quy định. Các học phần được bố trí học tại 2 nơi: trường ĐH Tôn Đức Thắng và tại cơ sở hợp tác đào tạo. Các học phần học tại cơ sở hợp tác đào tạo nhằm mục đích giúp SV tiếp cận với môi trường làm việc thực tế và được thể hiện dưới dạng các chuyên đề. Khoa phải công bố các chuyên đề này đầu mỗi khóa học. Các học phần học tại cơ sở hợp tác đào tạo chỉ đánh giá kết quả học tập 01 lần, không tổ chức thi lại, kiểm tra lại.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn. Việc phân loại các học phần được Khoa công bố cho sinh viên đầu mỗi khóa học và không thay đổi trong suốt chương trình học của sinh viên.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Số tín chỉ của mỗi học phần, sự chuyển đổi giữa các học phần được quy định theo chương trình đào tạo mà nhà trường đã thông qua.

4. Số tiết học tính trên mỗi đơn vị học trình đối với các học phần học tại Trường được tính theo quy định chung của Trường. Riêng các học phần học tại cơ sở hợp tác thì số tiết được tính theo sự thống nhất giữa Khoa và đơn vị hợp tác đào tạo, tuy nhiên phải đảm bảo số tiết tối thiểu theo quy định chung của Trường.

Điều 4. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường tổ chức đào tạo theo học kỳ và năm học.

a) Chương trình mũi nhọn ngành Khoa học máy tính có thời gian học là 4 năm.

b) Một năm học có hai học kỳ chính, tính theo thời gian biểu chung của Trường. Ngoài 2 học kỳ chính, Trường sẽ xem xét tổ chức thêm học kỳ hè để SV có các học phần không đạt được học lại hoặc SV học các học phần tại cơ sở hợp tác đào tạo.

2. Căn cứ vào khối lượng kiến thức quy định cho chương trình, Khoa sẽ phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

a) Đầu khoá học, Khoa phải thông báo công khai về nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình mũi nhọn; Quy định đào tạo; nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

b) Đầu mỗi năm học, Khoa phải thông báo lịch trình học của chương trình trong từng học kỳ. Các học phần học tại trường có hình thức kiểm tra, thi theo quy định chung của nhà trường. Riêng các học phần học tại cơ sở hợp tác đào tạo thì hình thức đánh giá theo quy định được thống nhất giữa Khoa và từng đơn vị hợp tác và quy định này được công bố cho SV đầu mỗi năm học.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình theo quy định chung của nhà trường dành cho hệ đại học chính quy, ngành Khoa học máy tính.

Điều 5. Sắp xếp sinh viên vào học chương trình

1. Đầu mỗi năm học, Khoa công bố các SV thuộc khóa học nào được phép tham gia chương trình.

2. SV thuộc khóa học cho phép ở trên nộp hồ sơ đăng ký tham gia chương trình tại Văn phòng Khoa. Căn cứ vào kết quả học tập các học phần đã học tại Trường (ưu tiên ngoại ngữ), Khoa sẽ chọn ra danh sách các SV đủ điều kiện tham gia chương trình và tiến hành thành lập lớp biên chế riêng cho các SV này.

Lớp biên chế này có tổ chức và hoạt động theo quy định chung của Trường.

Điều 6. Điều kiện để sinh viên được học tiếp, được nghỉ học tạm thời, được tạm ngừng học hoặc bị buộc thôi học

1. Điều kiện để sinh viên được học tiếp **tại Trường**, được nghỉ học tạm thời, được tạm ngừng học hoặc bị buộc thôi học theo quy định chung của Trường.

2. Sinh viên được quyền gửi đơn tới Trưởng Khoa và Ban giám hiệu xin dừng tham gia chương trình mũi nhọn và quay trở về lớp biên chế cũ của mình như trước lúc tham gia chương trình.

Sinh viên đã dừng tham gia chương trình thì không được quay trở lại tham gia chương trình nữa.

Nếu sinh viên nghỉ học tạm thời tại Trường thì sẽ bắt buộc dừng tham gia chương trình.

3. Sinh viên bị buộc dừng tham gia chương trình nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có điểm một học phần học tại cơ sở hợp tác đào tạo dưới 5,00;

b) Vi phạm các quy định tại cơ sở hợp tác đào tạo;

4. Sinh dừng tham gia chương trình trong tất cả các trường hợp đều được chuyển về lại lớp biên chế cũ mà SV học trước lúc tham gia chương trình.

Điều 7. Ưu tiên trong đào tạo

1. Các SV tham gia chương trình có kết quả học tập xuất sắc sẽ được ưu tiên xem xét miễn giảm học phí hoặc tuyển dụng vào làm việc tại cơ sở hợp tác đào tạo.

2. Các sinh viên tham gia chương trình cũng được hưởng các ưu tiên đào tạo theo quy định chung của nhà Trường.

Điều 8. Đánh giá học phần

1. Các học phần học tại trường thì tuân theo cách đánh giá chung của Trường.
2. Các học phần học tại cơ sở hợp tác đào tạo được đánh giá dựa trên các nội dung sau:

STT	Nội dung	Cơ sở đánh giá
Đánh giá từ Bộ phận quy trình		
1.	Ý thức và kỷ luật	<ul style="list-style-type: none">• Sự hiện diện và thái độ từ các lần tham dự các chủ đề, chuyên đề đào tạo• Giờ làm việc của sinh viên
2.	Khả năng nắm bắt và tuân thủ các quy trình, quy định của công ty	Dựa vào kết quả từ bộ phận quy trình
Đánh giá từ đào tạo viên		
1.	Khả năng học hỏi, tiếp thu kiến thức chuyên môn	Kiểm tra nhiều lần trong quá trình dạy học thông qua các câu hỏi, bài tập vận dụng ...
2.	Thời gian hoàn tất chương trình đào tạo	Thời gian hoàn tất các bài tập, các kiến thức tìm hiểu, các báo cáo...
3.	Đánh giá khác	
Đánh giá từ người quản lý đào tạo		
1.	Chất lượng công việc	Công việc thực tế mà sinh viên tham gia trực tiếp vào dự án
2.	Tính sáng tạo, linh động	Quá trình làm việc thực tế
3.	Tính phối hợp, tổ chức	Quá trình làm việc thực tế
4.	Tinh thần trách nhiệm	Quá trình làm việc thực tế

5. Khả năng giải quyết vấn đề	Quá trình làm việc thực tế
6. Kỹ năng chuyên môn	Kết quả quá trình làm việc thực tế
7. Khả năng quản lý, điều hành	Quá trình làm việc thực tế
8. Đánh giá khác	

Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) sẽ là tổng hợp của kết quả đánh giá từ các bộ phận có liên quan ở trên. Điểm này cùng các minh chứng liên quan sẽ được chuyển về nhà trường và đưa vào hệ thống quản lý điểm của nhà trường. Các biểu mẫu minh chứng phải có sự thống nhất giữa nhà trường và cơ sở hợp tác đào tạo.

Điều 9. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Các học phần học tại trường sẽ tổ chức thi, ra đề thi, chấm thi, số lần dự thi theo quy định chung của nhà Trường.

2. Các học phần học tại cơ sở hợp tác đào tạo sẽ không tổ chức thi, việc đánh giá được tiến hành theo quy trình sau:

- Khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ tự đánh giá năng lực của mình và gửi kết quả đánh giá cho bộ phận quản lý đào tạo tại cơ sở hợp tác. Biểu mẫu đánh giá năng lực phải có sự thống nhất giữa cơ sở hợp tác đào tạo và nhà trường. Với các chú ý:

- ✓ Đánh giá từ mức độ thấp nhất trở lên đối với các kỹ năng
- ✓ “N/A” cho các tiêu chí chưa đánh giá được.

- Quản lý đào tạo và đào tạo viên sẽ xem xét kết quả tự đánh giá của sinh viên. Sau đó, sẽ tổ chức cuộc họp giữa quản lý đào tạo và sinh viên được đào tạo. Trong buổi họp này, hai bên sẽ thảo luận để thống nhất về kết quả đánh giá. Cuối buổi họp, sinh viên được đào tạo sẽ có được kết quả cuối cùng về đánh giá học phần của mình. Điểm đánh giá học phần được tính theo thang điểm 10.

Điều 10. Thực tập cuối khóa, làm đề án, khoá luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp

1. Trong học kỳ 2 của năm học cuối khoá, các sinh viên thi tốt nghiệp các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh theo quy định chung của Trường và đăng ký làm khoá luận tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

a) Các đề tài khoá luận tốt nghiệp được bộ phận đào tạo tại cơ sở hợp tác đưa ra. Danh sách các đề tài khoá luận tốt nghiệp và sinh viên thực hiện phải được chuyển về Khoa vào đầu học kỳ để Khoa giám sát, quản lý. Sinh viên thực hiện khoá luận tốt nghiệp tại cơ sở hợp tác đào tạo dưới sự hướng dẫn của các giảng viên tại cơ sở hợp tác. Kết thúc thời gian làm khoá luận, sinh viên phải bảo vệ khoá luận tốt nghiệp tại Trường.

b) Nếu điểm khoá luận tốt nghiệp <5,00 sinh viên phải tham dự kỳ thi tốt nghiệp dành cho ngành học của mình tại Trường.

Điều 11. Chấm khoá luận tốt nghiệp và chấm thi tốt nghiệp

1. Việc chấm khoá luận tốt nghiệp và chấm thi tốt nghiệp được tiến hành theo quy định chung

của Trường.

Điều 12. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Theo quy định chung của Trường dành cho ngành Khoa học máy tính.

Chương II. Quy định quản lý giám sát chất lượng đào tạo

Giới thiệu

Mục đích

Mô tả các quy định trong việc quản lý, giám sát và kiểm định chất lượng đào tạo sinh viên nhằm đạt được, duy trì và cải tiến hệ thống đào tạo.

Phạm vi

Áp dụng cho tất cả các bộ phận liên quan trong quá trình đào tạo **sinh viên**

Bộ phận tham gia trong quá trình đào tạo

- Ban giám đốc
- Quản lý đào tạo
- Đào tạo viên
- Bộ phận quy trình
- Sinh viên được đào tạo

Quy định đối với các bộ phận đào tạo

Quản lý đào tạo

- Là những người quản lý dự án (Project Manager), trưởng nhóm kỹ thuật (Technical Leader)
- Trình độ thạc sỹ trở lên, được đào tạo trong và ngoài nước.
- Có năng lực tổ chức và điều hành

Đào tạo viên

- Là những người nắm vững kiến thức chuyên môn
- Trình độ **tốt nghiệp Thạc sĩ** CNTT trở lên, được đào tạo trong và ngoài nước
- Có khả năng giao tiếp, làm việc nhóm
- Có kỹ năng truyền đạt và huấn luyện

Sinh viên được đào tạo

- Là những người có kiến thức nền tảng về CNTT
- Trình độ anh văn tương đương bằng B trở lên

Trách nhiệm các bộ phận trong quá trình đào tạo

Ban giám đốc

- Tạo môi trường thuận lợi cho quá trình đào tạo
- Hỗ trợ, xem xét, quản lý, kiểm soát quá trình, kết quả đào tạo và đưa ra những cải tiến (nếu cần)

Quản lý đào tạo

- Hỗ trợ đào tạo viên trong việc đề ra phương pháp đào tạo và tài liệu đào tạo
- Xem xét, duyệt các tài liệu đào tạo trước khi đưa vào sử dụng
- Quản lý và giám sát quá trình đào tạo để đảm bảo quá trình diễn ra một cách hiệu quả nhất
- Đề xuất, cải tiến quá trình đào tạo khi cần thiết
- Đánh giá, kiểm định chất lượng đào tạo
- Định hướng, hướng dẫn sinh viên được đào tạo trong con đường phát triển nghề nghiệp thông qua hệ thống CDS

Đào tạo viên

- Kết hợp giữa phương pháp hướng dẫn lý thuyết với các hình thức đào tạo thực tế khác như: bài tập vận dụng, nghiên cứu, thảo luận, báo cáo, giới thiệu và thực hành thực tế ở các dự án trong công ty
- Tích cực hỗ trợ, giám sát cho sinh viên làm việc theo nhóm, tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề và trình bày vấn đề
- Tổ chức đánh giá, nhận xét và đề ra hướng phát triển sau mỗi chủ đề, mỗi bài tập thảo luận, nghiên cứu của sinh viên. Kết quả của việc đánh giá nên được ghi nhận để làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả cuối cùng của khóa đào tạo
- Ghi nhận sĩ số, kỷ luật và thái độ học tập của các sinh viên tại các buổi đào tạo. Kết hợp với ghi nhận kỷ luật làm việc của sinh viên tại công ty từ bộ phận quy trình để làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả cuối cùng của khóa đào tạo

Bộ phận quy trình

- Ghi nhận tính chuyên cần của sinh viên được đào tạo tại công ty (giờ giấc làm việc, ngày nghỉ) thông qua chương trình LMIS
- Đánh giá khả năng nắm bắt và tuân thủ các quy trình, quy định của công ty

Sinh viên được đào tạo

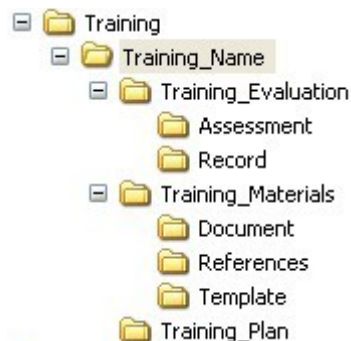
- Tuân theo các quy định, nội quy của công ty.
- Học hỏi, rèn luyện kỹ năng chuyên môn theo kế hoạch đào tạo.

Quy định đối với quá trình đào tạo

- Sinh viên được đào tạo cần nắm rõ các quy định, quy trình, chính sách, hướng dẫn sử dụng (đặt biệt là SVN)... trong công ty
- Quá trình đào tạo cần kết hợp giữa phương pháp đào tạo lý thuyết với thực hành, nghiên cứu, thảo luận. Trong mỗi chủ đề đào tạo, sinh viên sẽ được đào tạo lý thuyết 20% thời gian quá trình đào tạo của một chủ đề, 20% sẽ cho các sinh viên thảo luận mở về chủ đề vừa được trình bày. Tiếp sau đó đào tạo viên sẽ cho các sinh viên nghiên cứu các bài tập ứng dụng liên quan đến chủ đề, kết quả nghiên cứu sẽ được trình bày cho cả nhóm (đào tạo viên giám sát và hướng dẫn), quá trình này sẽ chiếm 30% tổng thời gian đào tạo của một chủ đề. Thời gian còn lại, các sinh viên sẽ được thực hành trực tiếp vào các dự án trong công ty
- Đào tạo viên cần hoàn thành tài liệu đào tạo trước khi khóa đào tạo bắt đầu 1 tuần. Tài liệu mỗi chủ đề cần được commit lên SVN và thông báo cho sinh viên được đào tạo trước khi chủ đề bắt đầu 2 ngày
- Nên sử dụng tiếng Anh trong tất cả các tài liệu đào tạo
- Nội dung đào tạo và phương pháp đào tạo trong mỗi chủ đề cần được xem xét và chấp thuận

của quản lý đào tạo trước khi tiến hành.

- Sử dụng hệ thống SVN để quản lý tất cả các tài liệu và hồ sơ của quá trình đào tạo. Các tài liệu, hồ sơ của quá trình đào tạo cần được xem xét và duyệt của ban quản lý đào tạo trước khi đưa lên SVN.
- Tất cả tài liệu, hồ sơ đưa lên SVN cần tuân thủ theo các quy định của công ty (cách đặt tên, định dạng,...) và đặt đúng nơi quy định trên SVN:



Hình 1

- Sử dụng các kênh truyền thông như: email, yahoo chat, gặp trực tiếp ... để trao đổi thông tin một cách có hiệu quả và nhanh nhất.
- Sinh viên được đào tạo khi vắng mặt trong các buổi đào tạo cần xin phép trước (trừ trường hợp đột xuất). Nếu vắng mặt 10% tổng số thời gian quá trình đào tạo sẽ bị nhắc nhở và trừ điểm (nếu có). Nếu vắng 20% tổng số thời gian quá trình đào tạo sẽ bị tạm dừng quá trình đào tạo.

Đánh giá và kiểm định chất lượng đào tạo

Mục đích

Việc đánh giá và kiểm định chất lượng đào tạo nhằm mục đích:

- Xem xét một cách khách quan khả năng tiếp thu, vận dụng các kiến thức đào tạo và khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của người được đào tạo
- Đưa ra những biện pháp cải tiến, định hướng phát triển cho sinh viên
- Hoàn thiện hệ thống đào tạo của công ty

Nội dung

Việc đánh giá, kiểm định chất lượng đào tạo theo các nội dung sau:

STT	Nội dung	Cơ sở đánh giá
Đánh giá từ Bộ phận quy trình		
1.	Ý thức và kỷ luật	<ul style="list-style-type: none"> • Sự hiện diện và thái độ từ các lần tham dự các chủ đề, chuyên đề đào tạo • Giờ làm việc của sinh viên
2.	Khả năng nắm bắt và tuân thủ các quy trình,	Dựa vào kết quả từ bộ phận quy trình

quy định của công ty	
Đánh giá từ đào tạo viên	
1.Khả năng học hỏi, tiếp thu kiến thức chuyên môn	Kiểm tra nhiều lần trong quá trình dạy học thông qua các câu hỏi, bài tập vận dụng ...
2.Thời gian hoàn tất chương trình đào tạo	Thời gian hoàn tất các bài tập, các kiến thức tìm hiểu, các báo cáo...
3.Đánh giá khác	
Đánh giá từ người quản lý đào tạo	
1.Chất lượng công việc	Công việc thực tế mà sinh viên tham gia trực tiếp vào dự án
2.Tính sáng tạo, linh động	Quá trình làm việc thực tế
3.Tính phối hợp, tổ chức	Quá trình làm việc thực tế
4.Tinh thần trách nhiệm	Quá trình làm việc thực tế
5.Khả năng giải quyết vấn đề	Quá trình làm việc thực tế
6.Kỹ năng chuyên môn	Kết quả quá trình làm việc thực tế
7.Khả năng quản lý, điều hành	Quá trình làm việc thực tế
8Đánh giá khác	

Điểm cuối cùng của quá trình đào tạo sẽ là tổng hợp của kết quả đánh giá từ các bộ phận có liên quan. **Điểm này cùng các minh chứng liên quan sẽ được chuyển về nhà trường, làm cơ sở đánh giá kết quả môn học của sinh viên và đưa vào hệ thống quản lý điểm của nhà trường.**

Quy trình

Quá trình đánh giá và kiểm định chất lượng đào tạo sẽ sử dụng biểu mẫu đánh giá đào tạo của công ty và hệ thống LCDS (LARION Career Development System).

Khi kết thúc quá trình đào tạo, người được đào tạo sẽ được giới thiệu và tìm hiểu về hệ thống LCDS. Hệ thống CDS phải được vận dụng để phát huy hết mục đích của nó:

- Cung cấp những phản hồi mang tính đóng góp về năng lực của mỗi sinh viên được đào tạo
- Định hướng vùng phát triển phù hợp để mỗi sinh viên có thể tập trung vào. Những vùng phát triển này là:

Director of Technology	Director of Delivery
Senior Technical Architect	Senior Engineering Manager
Technical Architect	Engineering Manager
Associate Technical Architect	Associate Engineering Manager
Senior Software Engineer	
Software Engineer	
Associate Software (*) Engineer	
Software Engineering Team	

- Người hướng dẫn cần giải thích rõ cho sinh viên biết về các title, các vùng phát triển trên, cũng như các kỹ năng, kiến thức phù hợp đối với mỗi sinh viên khi quyết định theo hướng thiên về quản lý hay thiên về kỹ thuật
- Định nghĩa các kỹ năng và những yêu cầu mong muốn sinh viên đáp ứng. sinh viên sẽ được đánh giá trên 5 kỹ năng, mỗi kỹ năng được đánh giá trên mỗi mức độ khác nhau bao gồm các tiêu chí khác nhau (tham khảo tại <http://192.168.9.94:81/LarionRepos/Projects/CDS/Baseline/CDS-CompetencyMetrics.xls>). Các kỹ năng và mức độ được mô tả như hình dưới:

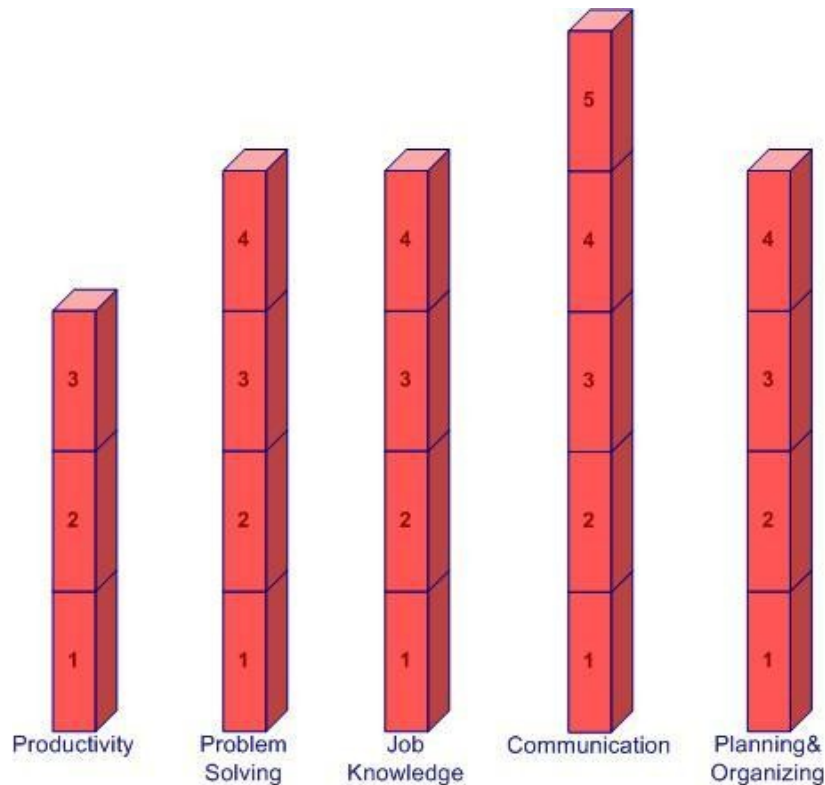


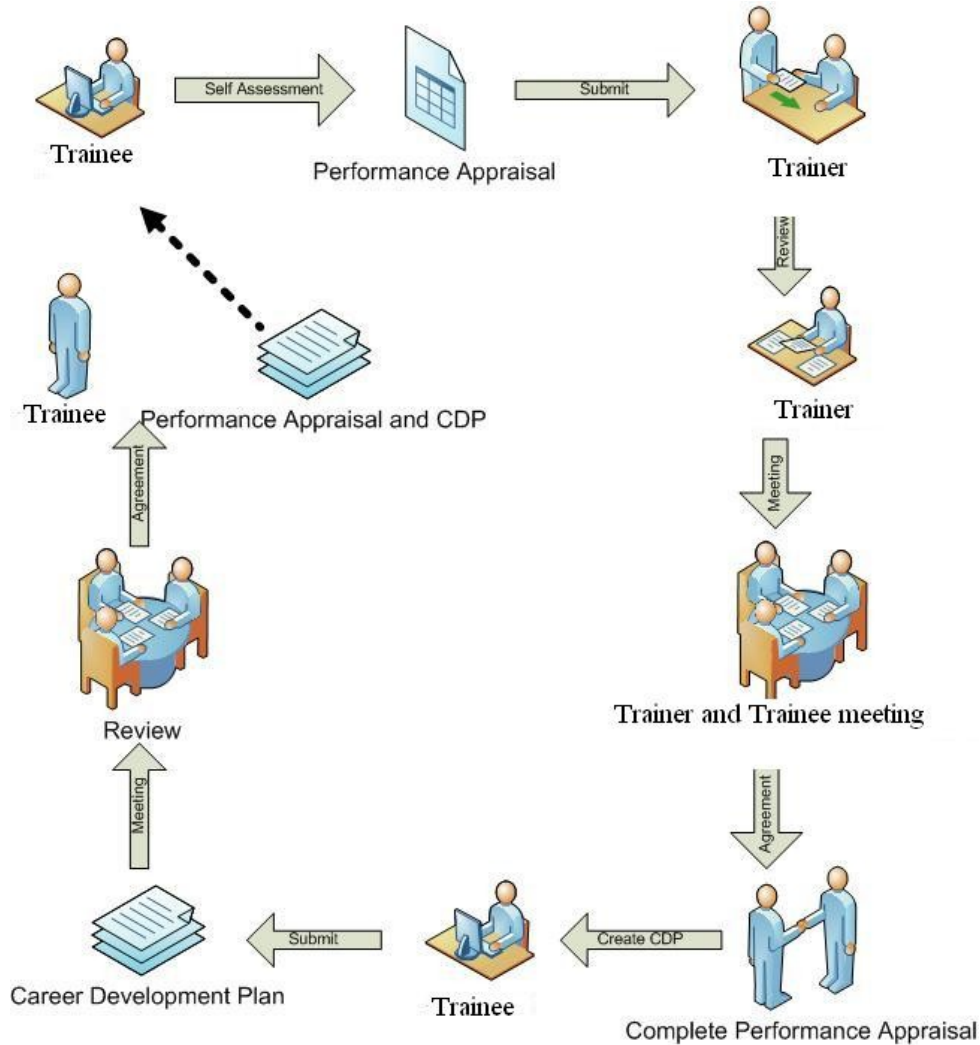
TABLE 2

- Giúp sinh viên tự quản lý nghề nghiệp của mình, xác định các mục tiêu và cách thức đo lường các mục tiêu
- CDS không chỉ là hệ thống phát triển nghề nghiệp cho sinh viên ở LARION, mà còn giúp sinh viên trong sự nghiệp phát triển sau này ở bất cứ nơi đâu.

Hệ thống CDS được sử dụng gồm 2 giai đoạn và theo quy trình sau:

- Đánh giá năng lực:
 - sinh viên được đào tạo sẽ tự đánh giá năng lực của mình và gửi kết quả đánh giá cho quản lý đào tạo. Biểu mẫu đánh giá năng lực tham khảo được lưu trữ tại <http://192.168.9.94:81/LarionRepos/Projects/CDS/Baseline/Form/CDS-PerformanceAppraisal-yyyymmdd-name.doc>. Với các chú ý:
 - ✓ Đánh giá từ mức độ thấp nhất trở lên đối với các kỹ năng
 - ✓ “N/A” cho các tiêu chí chưa đánh giá được.
 - Quản lý đào tạo và đào tạo viên sẽ xem xét kết quả tự đánh giá của sinh viên. Sau đó, sẽ tổ chức cuộc họp giữa quản lý đào tạo và sinh viên được đào tạo. Trong buổi họp này, hai bên sẽ thảo luận để thống nhất về kết quả đánh giá. Cuối buổi họp, sinh viên được đào tạo sẽ có được kết quả cuối cùng về đánh giá năng lực của mình.
- Lập kế hoạch phát triển nghề nghiệp

- Dựa vào kết quả đánh giá năng lực và mục tiêu phát triển nghề nghiệp, mỗi sinh viên sẽ tạo ra một kế hoạch phát triển nghề nghiệp. Trong kế hoạch này, sinh viên phải nêu rõ mục đích, mục tiêu ngắn hạn, dài hạn và các kế hoạch, hành động để đạt được các mục tiêu này. Sau khi tự hoàn thành kế hoạch của mình, sinh viên sẽ gửi bản kế hoạch lên người quản lý đào tạo.
- Quản lý đào tạo xem xét kế hoạch đào tạo của sinh viên, tiến hành cuộc họp để góp ý, hướng dẫn và tạo điều kiện để sinh viên đạt được các mục tiêu.



Hình 3 Quy trình CDS

Chương III. Học phí

- Các học phần học tại các cơ sở trường ĐH Tôn Đức Thắng sẽ có đóng học phí theo quy định chung của nhà trường
- Các học phần học tại cơ sở đơn vị hợp tác được tính toán theo từng khóa học trên cơ sở có sự đồng ý của nhà trường. Học phí này phải được thông báo trước khi sinh viên tham gia chương trình mũi nhọn và không thay đổi trong suốt quá trình học.